

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
THÀNH PHỐ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 10-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, THÀNH PHỐ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bạch Tuyết.

2. Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Thành phố Y tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Quyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần X, Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Vũ Anh B (tên gọi khác: Hiền), sinh ngày 16 tháng 02 năm 1997, tại Thành phố Y; Hộ khẩu thường trú: 69/23 đường Cao Thắng, khu phố 3, phường 17, Quận Z, thành phố Y; chỗ ở trước khi bị bắt: 30A đường Lương Minh Nguyệt, phường Tân Thới Hòa, Quận A, Thành phố Y; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông không rõ tên; con bà Trần Thị Diệp, sinh năm 1967; anh, chị, em có 05 người; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2020 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Lê Duy K; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1998, tại Long An; Hộ khẩu thường trú: 17/26B Lương Minh Nguyệt, Phường Tân Thới Hòa, quận Z, Thành phố Y; chỗ ở trước khi bị bắt: Như trên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Lai, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Thu Vân, sinh năm 1972; anh, chị, em: Có một người em, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Vũ Thị Á, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*).

HKTT: 388/3 khu phố Miếu Ba, thị trấn B, huyện X, Thành phố Y.

Chỗ ở: Như trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD.

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận V, Thành phố Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy H – Chuyên viên pháp lý tố tụng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Vũ Anh B đã nhiều lần đến huyện X chơi, thấy người dân sơ hở trong việc trông coi xe và nghĩ là dễ trộm cắp, nên khoảng 16 giờ ngày 03/01/2020, B đến nhà Nguyễn Lê Duy K, tại số 17/26B Lương Minh Nguyệt, Phường Tân Thới Hòa, Quận A, Thành phố Y rủ K đi xuống huyện X trộm cắp xe mô tô. Do đang cần tiền trả nợ nên K đồng ý. Cả hai thống nhất khi tìm được tài sản thì K làm nhiệm vụ canh giới và cản địa để B trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày, K dùng xe mô tô Wave màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-76469 chở B đi huyện X, khi đến khu vực bến xe X (khoảng 19 giờ) cả hai không tìm được xe mô tô nào để trộm cắp nên ngồi chơi một lúc rồi đi theo hướng đường Đào Cử qua đường Duyên Hải để về Thành phố Y. Trên đường đi phát hiện 01 chiếc xe mô tô màu đỏ nhãn hiệu Vision có gắn chìa khóa (không nhớ biển số) đậu trên lề đường bên phải tại khu vực Công viên T, nhưng do có đông người nên không dám trộm cắp mà tiếp tục đi về. Khoảng 19 giờ 30 phút khi đi đến trước cửa hàng quần áo tại địa chỉ số 32/3 khu phố Miếu Nhì, thị trấn T, huyện X, B quan sát và phát hiện 01 chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Lead màu đỏ, biển số 59Z2-171.59 đậu trước cửa hàng có gắn chìa khóa, nên báo cho K và quay đầu xe lại chạy qua để quan sát kỹ hơn, khi đi qua khoảng 20 mét B xuống xe đi bộ lại vị trí đậu xe đồng thời nhắn tin bằng điện thoại kêu K quay đầu xe về hướng Thành phố Y. K dừng xe vào quán tạp hóa gần đó giả vờ hỏi đường nhằm mục đích gây chú ý cho người khác vào mình và canh giới cho B trộm cắp. Sau khi quan sát xung quanh B leo lên xe mở chìa khóa thì bị chủ xe là chị Vũ Thị Á phát hiện tri hô, B nổ máy chạy về hướng Thành phố, còn K giả vờ đuổi theo, mục đích để cản địa làm chậm việc truy đuổi của người dân. Toàn bộ diễn biến hành vi trộm cắp xe của Bằng bị camera nhà dân gần đó ghi lại. Khi chạy đến khu vực ngã ba Long Hòa thuộc ấp Long Thạnh, B dừng xe mở cốp ra kiểm tra thì phát hiện 01 điện thoại Samsung J7 màu vàng đồng nên lấy tắt nguồn, tiếp đó gọi điện hẹn K gặp nhau tại khu vực cầu Hà Thanh, khi gặp nhau K đưa cho Bằng 01 con dao xép (mục đích để Bằng phòng thân và sử dụng để chống lại việc truy đuổi). Cả hai điều khiển xe chạy về hướng Thành phố Y, trên đường đi bàn bạc thống nhất việc chia tài sản trộm cắp theo tỉ lệ B 6 phần, K 4 phần.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an huyện X đã thông tin đến Công an các xã và các tổ tuần tra để tổ chức truy bắt. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, tổ công tác 363 phát hiện B đang điều khiển chiếc xe nói trên lưu thông trên đường Rừng

Sắc nên tiến hành truy đuổi, đến khu vực ấp An Nghĩa, xã G thì bắt giữ được B cùng vật chứng. Còn K chạy thoát và bị Công an huyện X triệu tập sau đó, đến ngày 06/01/2020 thì đến trụ sở làm việc, đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Biên bản định giá tài sản số 05/2020/BB.ĐG.TSCA ngày 07/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cần Giò kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đỏ có giá trị thành tiền là 26.460.000 đồng. Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng đồng có giá trị thành tiền là 1.377.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 27.837.000 đồng.

- Về vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đỏ, biển số 59Z2-171.59 (đã trả lại cho chủ sở hữu chị Vũ Thị Á).

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, loại J7, màu vàng đồng (đã trả lại cho chủ sở hữu chị Vũ Thị Á).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-764.69.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1010 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1289, màu xanh; 01 con dao xếp bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, mũi nhọn (tất cả đều đã qua sử dụng).

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Thành phố Y truy tố các bị cáo Trần Vũ Anh B, Nguyễn Lê Duy K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Vũ Anh B mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Duy K mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với vật chứng vụ án xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy H vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 05/6/2020 ông Hoàng đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Hội đồng xét xử 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-764.69 là tài sản mà bị cáo Nguyễn Lê Duy K dùng để thế chấp vay Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD số tiền 14.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/5/2020, bị cáo K đã trả cho công ty số tiền

14.464.000 đồng, bị cáo Kh còn phải thanh toán cho Công ty số tiền 2.018.894 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng; nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, đồng thời cho rằng mình không bị oan và trong lời nói sau cùng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giờ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Vũ Anh B, Nguyễn Lê Duy K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với tang vật của vụ án, lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/01/2020, Trần Vũ Anh B, Nguyễn Lê Duy K lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead màu đỏ 59Z2-171.59, 01 điện thoại Samsung J7 của chị Vũ Thị Á, tại địa chỉ số 32/3 khu phố Miếu Nhì, thị trấn T, huyện X, Thành phố Y, tài sản qua định giá là 27.837.000 đồng. Hành vi của hai bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, B là người khởi xướng, rủ rê K cùng thực hiện và cả hai cùng phân công, bàn bạc nhiệm vụ cụ thể trước khi đi trộm cắp. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Thành phố Y truy tố các bị Trần Vũ Anh B, Nguyễn Lê Duy K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Vũ Anh B, Nguyễn Lê Duy Kh không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết được quy định tại điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bản thân các bị cáo còn khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về tính chất mức độ phạm tội:

Các bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm nhưng do muốn hưởng thụ lại không chịu lao động nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do bị cáo B là người rủ rê, phân công cho bị cáo K nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý bị cáo B bằng mức án nghiêm khắc hơn bị cáo K cho tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1010 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1289, màu xanh (tất cả đều đã qua sử dụng) là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao xếp bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, mũi nhọn (đã qua sử dụng) là vật không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đỏ, biển số 59Z2-17159; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại J7, màu vàng đồng (đã trả lại). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giờ đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Vũ Thị Ánh là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH HD Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Lê Duy Khánh đã dùng chiếc xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-764.69 làm phương tiện để trộm cắp tài sản thì bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên qua điều tra xác minh thể hiện chiếc xe trên là của bị cáo Khánh mua bằng tiền trả góp của Công ty Tài chính TNHH HD. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì số tiền bị cáo K còn nợ

Công ty Tài chính TNHH HD tính đến ngày 21/5/2020 số tiền là 2.018.894 đồng. Theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội “...xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm trả lại vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu theo đề nghị của tổ chức tín dụng..”. Vì vậy, giao chiếc xe hiệu Honda, loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-764.69 cho Công ty Tài chính TNHH HD tiến hành phát mãi bán đấu giá để thu hồi số tiền Công ty đã cho bị cáo K vay để mua xe nhưng bị cáo chưa trả hết; sau khi thu hồi xong khoản nợ và trừ đi chi phí cho việc lưu giữ bảo quản, tổ chức bán đấu giá chiếc xe, số tiền còn lại (nếu có) Công ty Tài chính TNHH HD có trách nhiệm nộp lại cho Cơ quan thi hành án huyện X, Thành phố Y để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là có cơ sở.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Trần Vũ Anh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Nguyễn Lê Duy K 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 14 Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội:

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1010 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 1289, màu xanh (tất cả đều đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao xếp bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, mũi nhọn (đã qua sử dụng).

- Giao chiếc xe hiệu Honda, loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 59D2-764.69 cho Công ty Tài chính TNHH HD đồng xét xử tiến hành phát mãi bán đấu giá để thu hồi số tiền Công ty đã cho bị cáo K vay để mua xe nhưng bị cáo chưa trả hết. Sau khi thu hồi xong khoản nợ và trừ đi chi phí cho việc lưu giữ bảo quản, tổ chức bán đấu giá chiếc xe, số tiền còn lại (nếu có) Công ty Tài chính TNHH HD có trách nhiệm nộp lại cho Cơ quan thi hành án huyện X, Thành phố Y để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020).

[4] Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Y. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

[6] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện X;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Sở Tư pháp TP Y;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thụ